

## CÔNG NGHIỆP HOA, HIỆN NẠI HOA Ở VIỆT NAM VÀI VẤN NỀ NANG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

VUỠ THÒ MAI OANH (\*)

Nóai với các quốc gia nông nghiệp nhỏ Việt Nam thì công nghiệp hoa, hiện nại hoa là giải pháp cơ bản để hiện nại hoa nền kinh tế phát triển. Tuy nhiên, trong nhiều kiến toan của các nhà nhập quốc tế cũng có ra nòi của kinh tế thị trường, làm thay đổi nhận thức của nhân loại về mô hình tăng trưởng. Nhiều nòi con tạo cơ hội phát triển rút ngắn cho các nòi nà sau nài nòi các nòi phát triển kinh tế nhanh, bền vững, hạn chế những tổn thất về xã hội và môi trường của mô hình công nghiệp hoa trước đây. Thúc đẩy nài vấn đề cho Năng lực nhân lực Việt Nam hiện nay chính sách công nghiệp hoa, nhằm triển khai các nòi thời nài mang lại, nòi nền kinh tế phát triển nhập sâu rộng vào thị trường thế giới. Nếu thành công trong quá trình cạnh tranh toàn cầu nòi thì mục tiêu cao nhất phải đạt được là chi phí quá trình công nghiệp hoa là chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng nguồn nhân lực.

### ***Những bài học của mô hình công nghiệp hoa, hiện nại hoa trước đây.***

Thành tựu của hơn hai nòi làm nòi môi, công nghiệp hoa, hiện nại hoa nài nòi là hệ số to lớn và nài nài nài, tạo điều kiện ban đầu cho nài nòi tiếp tục tiến lên phía trước. Tuy nhiên, trong quá trình tìm kiếm giải pháp phát triển cho nài nòi, chúng ta cần nhận giải một

cách toàn diện và nài nài nài về những hạn chế bất cập cần phải vượt qua. Có thể nêu một số hạn chế sau:

Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế chưa có nòi phải nài ke

Bước vào sân chơi thế giới, với luật lệ mới và nòi thi đấu cạnh tranh có nòi kinh tế mạnh và kinh nghiệm thông thạo hơn, Việt Nam hiện nay đã bắt đầu phát triển rất nhanh nòi thi đấu ngay khoảng cách phát triển với các nòi trong khu vực và thế giới. Hơn hai nòi làm công nghiệp hoa, tuy có mức tăng trưởng liên tục: 1986- 1990 GDP tăng 4,4% năm; 1991-1995 GDP tăng bình quân năm tăng 8,2% năm; 1996-2000 GDP tăng 7%/ năm; 2000 - 2005 tốc độ tăng trưởng đạt 8,4%; 2005-2010 GDP tăng bình quân 7,2% năm<sup>(1)</sup>, nhưng Việt Nam mới vượt qua ngưỡng nghèo và nòi cuối của các nòi có thu nhập trung bình (vượt ngưỡng 1000USD/người). Nhìn vào danh sách các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, tỷ lệ hàng nông sản và các sản phẩm công nghiệp chế biến gia tăng thấp vẫn còn chiếm nài số. Hiện kinh tế Việt Nam tăng trưởng chủ yếu là do tăng các yếu tố nài vào, tăng khai thác các nguồn lực tự nhiên, hiệu quả sử dụng nòi thấp, ít giải nài tăng thêm và nài xuất lao động nài cao. Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tuy có nòi cải thiện

(\*) ThS., Phó Trưởng khoa Lý luận Mác – Lênin, Trường Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

(1) Năng Công sản Việt Nam. *Vấn đề Nại hội nài biểu toan quốc tế thời XI*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.166.

những trở ngại thất thường. Theo báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu 1011 – 2012 của Diễn đàn kinh tế thế giới công bố thì Việt Nam ở vị trí thứ 65 trên tổng số 142 quốc gia (nằm ngoài cũng theo báo cáo của tổ chức này, thì vị trí của Việt Nam là 59/138 quốc gia)<sup>(2)</sup>.

Rõ ràng, công nghiệp hóa theo chiều rộng, sẽ không tạo được bước phát triển rứt phá nhờ kỹ năng của Việt Nam, việc chuyển đổi mô hình công nghiệp phải được tính toán lại cho phù hợp với mô hình tăng trưởng chung của thế giới nông nghiệp. Lỗi thế này sau cho phép Việt Nam tránh được những hệ lụy mà các nước đi trước phải trải qua những giai đoạn này như nền tảng công nghiệp bền vững. Nhất là phải rút ra bài học từ giai đoạn khủng hoảng để tránh lặp lại cho nhân loại, khi sẽ phát triển kinh tế của mình thì làm tốt hai bộ phận quan trọng nhất của lực lượng sản xuất – nền tảng người lao động.

*Nhiều vấn đề xã hội nảy sinh tiềm ẩn nguy cơ xung đột xã hội*

Còn lại công nghiệp hóa, nền tảng cũng nâng tạo ra những hệ lụy xã hội, tiềm ẩn bất ổn của xã hội ra giữa các lực lượng xã hội, các nhóm lợi ích và nhóm dân cư. Năng suất và chất lượng lao động ngày càng suy giảm, chất lượng cuộc sống, những công nhân lao động trong các khu công nghiệp trên khắp cả nước đang phải đối mặt với cuộc sống ngày càng khốn khổ với những lương bổng thấp hơn mức sống; công nhân, lao động làm công ăn lương ở các nhà máy tiếp tục duy trì cuộc sống cùng những nhu cầu phải tiết kiệm nên mức tiêu dùng ngày càng giảm sút; người tiêu dùng năng lực giảm sút của thời kỳ lạm phát bất chấp lương tăng và các lý do một bộ phận dân cư tiếp cận được các cơ hội do cơ chế mới mang lại rất nhanh chóng khai thác và trở nên giàu có một bộ phận khác yếu thế phải đối diện với nhiều khó khăn trong cuộc sống. Vấn đề tồn tại những bất bình đẳng giữa các tầng lớp xã hội, doanh

nh nghiệp với những hành động, việc làm và những thiếu công tâm, minh bạch, lành mạnh của một bộ phận các công chức thừa hưởng công việc. Nền hành chính hiện tại của Việt Nam chưa thực sự là một nền hành chính hiện đại, khoa học, lành mạnh nên giải quyết tốt các mối quan hệ của các cấp chính quyền trong cơ chế thị trường. Những quan hệ xã hội tốt đẹp đang dần suy giảm, vấn đề bồi đắp lòng tin, ích kỷ do ảnh hưởng của cơ chế thị trường còn thiếu minh bạch, thiếu hành lang pháp lý để lành mạnh hóa các quan hệ xã hội. Thước đo này cho thấy mô hình tăng trưởng kinh tế thời gian qua là có vấn đề, các chính sách những hệ lụy này sẽ không dừng lại ở mức xã hội, thông qua hoạt động của con người sẽ ảnh hưởng xấu đến các lĩnh vực khác, trong nội dung kinh tế.

Kết cấu hai tầng giai cấp và phân hóa xã hội nghiêm trọng

Nhiều dấu hiệu của các nhà đầu tư Việt Nam đã sớm xuất hiện tại các khu vực hai tầng và chất lượng công việc của các nhà đầu tư cũng giảm sút. Việc cung cấp năng lực cho sản xuất và đời sống của các tầng lớp xã hội, hệ thống luật lệ hiện hành và tỷ lệ thất nghiệp ngày càng cao (9 đến 10%), hệ thống thuế lũy tiến cấp độ nghiêm trọng, các cơ chế kinh doanh được xây dựng kiên cố<sup>(3)</sup>. Việt Nam chưa có hệ thống giao thông nông thôn tốt nữa, chưa có hệ thống công nghệ sản xuất hiện đại, việc nâng cấp như cầu và các nhà máy công nghiệp rất nhiều. Hệ thống giao thông hiện hữu ở các nhà đầu tư, không theo kịp và không thích với các nhà đầu tư, hiện đang phân hóa nghiêm trọng. Hai tầng nhà đầu tư, các nhà đầu tư xã hội và hai tầng kỹ thuật còn nhiều yếu kém, không nâng bộ phận công nghệ, và sẽ kết nối, gây khó khăn cho các quản lý và giảm sút của các cơ quan chức năng. Giao thông nhà đầu tư năng lực và nhân lực, tại các giao thông năng lực của các nhà đầu tư. Theo Ủy ban An toàn giao thông quốc gia, trong năm 2010 cả nước xảy ra 14.442 vụ tai nạn giao thông,

<sup>(2)</sup> Xem: <http://vnexpress.net/gl/kinh-doanh/2011/09/viet-nam-tut-hang-nang-luc-can-hanh/>

<sup>(3)</sup> Xem: *Hai tầng yếu tố diện do... tố duy*. Báo Tiền phong, ngày 09/11/2011.

làm chết 11.449 người, bị thương 10.633 người<sup>(4)</sup>. Việt Nam có tiềm năng phát triển nông nghiệp to lớn, những thiếu hụt to cho hạ tầng nông thôn, nên năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của nông nghiệp Việt Nam chưa cao, việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất còn chậm. Hoạt động dịch vụ cho sản xuất nông nghiệp vẫn mới sống người dân chưa chấp nhận yêu cầu, môi trường của nông dân còn thiếu thốn, khó khăn. Những yếu kém về hạ tầng cơ sở cùng với lợi ích thấp làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của một số ngành nghề, đẩy theo lối nhuần của một số ngành nghề làm tình trạng ảnh hưởng môi trường ngay cả ngành trồng. Thanh toán mà công nghiệp hóa mang lại năng phải trả giá quá đắt về môi trường thiên nhiên hai mặt ruộng, mất tính chất nghiêm trọng tiềm ẩn trong số hao mòn sức khỏe, tính mạng và chất lượng cuộc sống của con người.

Rõ ràng mô hình công nghiệp hóa nhờ trước này này không chấp nhận được những phát triển của Việt Nam, cũng nhờ triết lý phát triển mới chung của nhân loại. Cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, diễn ra nguy cơ chênh lệch, không bao năm những nước xã hội chủ nghĩa của quá trình phát triển. Thời kỳ đầu, không đạt được mục tiêu phát triển bền vững. Thời kỳ giữa, không đạt được phát triển bền vững. Thời kỳ cuối, không đạt được phát triển bền vững. Thời kỳ đầu, không đạt được phát triển bền vững. Thời kỳ giữa, không đạt được phát triển bền vững. Thời kỳ cuối, không đạt được phát triển bền vững.

**Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức dựa trên nguồn nhân lực chất lượng cao.**

Mô hình tăng trưởng môi trường và kinh tế xã hội này biểu hiện toàn quốc lần đầu tiên, đặc biệt “Coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức; kết hợp việc sử dụng nguồn vốn tri thức của con người Việt Nam với tri thức mới nhất

của nhân loại”<sup>(5)</sup>.

Nhờ vậy, công nghiệp hóa thời gian tới phải dựa trên nguồn nhân lực chất lượng cao. Muốn vậy, trước hết phải thu hút vào chất lượng dân số chất lượng cuộc sống; chất lượng dịch vụ xã hội; chất lượng giáo dục, y tế v.v..., những yếu tố này phải thu hút rất lớn vào khai thác năng lực của nền kinh tế Việt Nam, công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải hướng đến xây dựng và tạo nên tầng lớp chất lượng cao cho sự phát triển toàn diện của con người và nguồn nhân lực chất lượng cao. Muốn vậy, bản thân quá trình công nghiệp hóa cũng phải trải qua thời kỳ chuyển đổi, không thể nóng vội mà trở thành một nước công nghiệp bằng mọi giá cho dù chà đạp lên đời sống. Việc chuyển đổi này phải bắt đầu từ những hướng sau:

Kết quả tăng trưởng phải dựa trên thích ứng cho các lĩnh vực phát triển con người

Kết quả của sự tăng trưởng phải được ưu tiên dựa trên lợi ích cho các lĩnh vực phát triển cơ bản của con người và một số chế độ cần chung để đảm bảo cho xã hội công bằng và tiến bộ. Nội dung chính của giáo dục, y tế, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, những yếu tố này phải là trọng tâm của sản xuất con người và tài sản xã hội nông nghiệp và sức khỏe môi trường cho con người ở mọi lứa tuổi. Chưa kể vậy, môi trường và tăng trưởng môi trường xã hội hiện đại, bao gồm phát triển bền vững, ổn định. Ngược lại sẽ không có phát triển bền vững và rút ngắn nếu làm mất một nguồn nhân lực, nguồn lực và chất lượng gia đình và xã hội mới sinh. Việt Nam là nước đi sau, nên các lĩnh vực quan trọng sản xuất và kiến trúc thông tin và công nghệ, với tổ chức lại quan hệ sản xuất và kiến trúc thông tin và công nghệ. Thì quá trình công nghiệp hóa cần nghiên cứu và thực hiện những giai đoạn không cần thiết, nên quá trình phát triển không phải trả giá bằng máu và nước mắt của người lao động. Chiến lược này là một hệ thống chính sách xã hội vững chắc,

<sup>(4)</sup> Xem: *Sôi ra nông*. Đồng Quang. Báo Người lao động, số 11, ngày 8/11/2011

<sup>(5)</sup> *Nâng Công sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.88.

không chæ baid ñaim phuic vui phat triein kinh teá tröôic mat, maicon baid ñaim phat huy tiem nang taing tröông trong töông lai. Tröôic het laitiem nang con ngöôic, lainguồn voín quyinhai, yeu toá luoin quyét ñinh cho söi phat triein. ÔiViet Nam, quan ñieim nay ñaĩ ñöôic xaic ñinh qua nhieu ky ñaĩ hoá, tuy nhien vaĩ chöa ñöôic hieĩ thöc hoĩ trong thöc teá Hieĩ töông laing phí trong ñaũ tö xaĩy döng cô bain, ñaũ tö theo phong traõ kieu moĩ tanh moĩ saĩn bay, caing bieĩn, khu coĩng nghieĩp, phong traõ lam saĩn goĩn, caic tap ñoan kinh teáhaĩ ñöôic ñaũ tö taĩ chính, baĩ ñöĩng saĩn ñang lam laing phí nguoin voĩn quoc gia. Nhöĩng lönh vöc ñaũ tö phat triein con ngöôic nhö beĩn vieĩn, tröông hoĩ, giao thöĩng, nhaĩõu phuic löĩ xaĩ hoĩ... con rat khiem toĩn vaĩkhoĩ tiep caĩ. Moĩ boĩ phaĩ löĩn ngöôic lao ñöĩng ñang ñoĩ dieĩn vöĩ cuoĩc söĩng het söic chaĩ vaĩ, ñieũ kieĩn chaĩm söic y teá vaĩ döch vui giaõ duic chöa ñöôic baĩ ñaim. Vieĩc ñaõ tap vaĩ söi dung nguoin nhaĩn löc con nhieu baĩ cap, hieĩ chæ coi 3% doanh nghieĩp coi quan haĩ vöĩ nhaĩ tröông trong tuyeĩn dung nhaĩn söi, nhieu doanh nghieĩp toĩra thöõ vöĩ nhaĩn löc lao saĩn vieĩn möĩ ra tröông, chi phí nhaĩn söi con chieĩm tyĩ tröĩng thap trong giaĩ thanh cuĩa doanh nghieĩp vaĩ toĩc ñoĩ taĩng tröông cuĩa doanh nghieĩp hieĩ ñang döa treĩn ñeĩn taĩng nhaĩn coĩng giaĩreĩ laĩ ñhöĩng vaĩ ñeĩ caĩn coi giaĩ phaĩp khac phuic trieĩ ñeĩ trong thöĩ gian töĩ<sup>(6)</sup>.

Quaĩ trình daĩn chui hoĩa möĩ mat ñöĩ söĩng xaĩ hoĩ phaĩ ñöôic ñaĩy maĩn

Ôi nhöĩng ñöôic vöa thoat khoĩ cheá ñoĩ phaĩng kieĩn, tieĩn hanh coĩng nghieĩp hoĩa thì nhu caũ veĩ daĩn chui vaĩ quyeyĩn con ngöôic ngay caing cap thieĩ. Khi söi phat triein höõĩng ñeĩn con ngöôic thì quyeyĩn töi do laĩ giaĩ trò quan tröĩng hang ñaũ. Veĩ kinh teá möĩ ngöôic daĩn ñöôic töi do saĩn xuat kinh doanh vaĩ hoat ñöĩng kinh teá theo phaĩp luat. Trong saĩn hoat tö töõĩng, ngöôic daĩn ñöôic coĩng khai bay töi chính kieĩn, thaõ luat, ñoĩ thoat vöĩ ñaĩ dieĩn chính quyeyĩn veĩnhöĩng vaĩ ñeĩ quoc keĩ daĩn saĩn. Trong

thieĩ cheá daĩn chui con ngöôic ñöôic giaĩ phaĩng vaĩ laĩ chui nhaĩn cuĩa xaĩ hoĩ, vöĩ yĩ thöc vaĩ nang löc lam chui ñöôic khueĩn khĩch vaĩ nuoi döõĩng ñeĩ chui ñöõĩng, töi giaĩc tham gia vaĩ caic quaĩ trình chính trò thöc tieĩn. Töi con ngöôic bĩ caĩ trò, ñeĩn con ngöôic lam chui töi cheá ñoĩ phaĩng kieĩn chueĩn cheá böõic sang cheá ñoĩ daĩn chui xaĩ hoĩ chui ñöõĩng, chaĩc chaĩ seĩ phaĩ traĩ qua möĩ quaĩ trình chui ñeĩn böĩ khöng phaĩ ñeĩ daĩng coi ngay ñöõic. Ñaĩng vaĩ Nhaĩ ñöõic xaĩ hoĩ chui ñöõĩng Viet Nam ñaĩ ban hanh nhieu chui tröông, chính saĩch, vaĩn baĩn phaĩp quy nhaĩm töng böõic thöc hieĩn daĩn chui hoĩa kinh teá chính trò, xaĩ hoĩ, vaĩn hoĩa, goĩp phaĩn tích cöc hinh thanh möĩ tröông taĩm lyĩ xaĩ hoĩ cho quaĩ trình daĩn chui dieĩn ra thuat löĩ. Noĩ dung vaĩ phaĩng thöc hoat ñöĩng cuĩa caic töi chöc trong haĩ thöĩng chính trò, nhaĩ laĩ nhaĩ ñöõic ñöõic ñoĩ möĩ, nhaĩm phat huy daĩn chui trong ñoĩ boĩ vaĩ quyeyĩn lam chui cuai nhaĩn daĩn. Nhöĩng söi nghieĩp möĩ meĩ nay khöng trahĩ ñöõic saĩ söĩ, vöõĩng maĩc; söic ì cuĩa xaĩ hoĩ phaĩng kieĩn coi truyeĩn, cuĩa nhaĩ ñöõic chueĩn cheá röĩ röĩ laĩ ñang laĩ tröõĩ löc löĩn quaĩ trình daĩn chui hoĩa öi Viet Nam hieĩn nay. Thöc teá ñoĩ khieĩn ngöôic daĩn con thöõ laĩ ñaim ñaĩ ñoĩ vöĩ söi nghieĩp chung cuĩa ñaĩ ñöõic, suy giaĩm tích tích cöc chính trò, ñoĩ cuĩng laĩ nguoyĩn nhaĩn suy giaĩm vaĩ thui choĩ tieĩm nang saĩng tap, thui choĩ ñöĩng löc ñeĩ phat trieĩn. Nguy hai hön, ngöôic daĩn tröõĩ ñeĩ döĩng döõĩng tröõĩc caic vaĩn naĩn cuĩa xaĩ hoĩ, lam cho caĩ xaĩ trong coĩng ñöõĩng, thoat hoĩa bieĩn chaĩ, teá ñuic khoat, lam quyeyĩn cuĩa boĩ maĩy coĩng quyeyĩn coi choĩn dung thaĩn. Tình traĩng ñoĩ phaĩ ñöõic khac phuic cung vöĩ quaĩ trình coĩng nghieĩp hoĩa, vieĩc möĩ röĩng vaĩ phat huy daĩn chui xaĩ hoĩ chui ñöõĩng, phat huy cao nhaĩ nhaĩn töĩ con ngöôic, vöĩ tö caĩch laĩ chui thea saĩng tap cuĩa xaĩ hoĩ möĩ, nguoin löc cuĩa möĩ nguoin löc, ñöõĩng löc cuĩa möĩ ñöõĩng löc, phaĩ baĩ ñaũ töi vieĩc khöng ngöõng nang cao ñöĩ söĩng vaĩ chaĩ vaĩ tinh thaĩn cuai nhaĩn daĩn. Töi ñeĩn taĩng cuoĩc söĩng vaĩ chaĩ vaĩ tinh thaĩn sung tuic, nhöĩng phaĩm chaĩ cuĩa ngöôic lao ñöĩng möĩ ñöõic hinh thanh vaĩ phat huy cao nhaĩ.

Xaĩy döng nguoin nhaĩn löc chaĩ löõĩng cao

<sup>(6)</sup> Xem: *Chi phí danh cho nhaĩn söi rat thap*, Baõ Ngöõic Lao ñöĩng, Thöĩ tö, ngay 9/11/2011



Công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hướng đến kinh tế tri thức trong nhiều kiến kinh tế là trọng tâm, đòi hỏi nhất yếu cầu cao về trình độ năng lực làm việc của người lao động. Các người lao động và người sử dụng lao động đều quan tâm cải thiện chất lượng nguồn nhân lực. Bởi doanh nghiệp cần phải nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng năng suất lao động; người lao động thì yêu cầu được nâng cao giải trí, sức lao động để thích ứng với nhu cầu thị trường lao động và quan trọng hơn là tồn tại được trong môi trường cạnh tranh trong vòng nguồn nhân lực chất lượng cao. Một số tổ chức và công nhân chấp hành, cho phép người lao động được tự do lựa chọn cho học tập, nâng cao trình độ năng lực chuyên môn, quá trình tài sản xuất sức lao động vì thế dần dần tích cực và hiệu quả hơn nhiều. Ở tầm quốc gia, các chính phủ cũng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao để cải thiện năng lực cạnh tranh quốc gia. Nhiều chính sách được triển khai để phát triển nhanh nguồn nhân lực, thu hút các dòng vốn đầu tư công nghệ cao, giải trí gia tăng. Cùng lúc lại các chính sách phù hợp để trọng dụng nhân tài trên các lĩnh vực khác nhau chính phủ ra sức triển khai. Với sự hợp tác của các chủ thể nhà nước – doanh nghiệp – người lao động, các chính sách sẽ tạo bước chuyển biến lớn về chất lượng nguồn nhân lực để kinh tế tri thức mới có thể phát triển, tiếp cận nền kinh tế và phát triển. Trong nền kinh tế của người lao động với những phẩm chất và năng lực sáng tạo vượt trội sẽ tìm kiếm những nguyên liệu

thay thế những nguồn năng lượng mới, những cách thức làm ra sản phẩm thông minh hơn tiến bộ với môi trường để vẫn đảm bảo một nền sản xuất sạch, tiêu dùng sạch, tăng cường kinh tế năng lượng với lãnh đạo các quan hệ xã hội và bảo vệ môi trường sống cho con người. Con người trong ứng dụng với tiến bộ và xã hội, sẽ là cách hành xử để nhân chất văn hoá, nhân văn, thái độ những gì không còn phù hợp nâng cao trình độ công nghệ phát triển của nền kinh tế mới. Nếu vì lý do nào đó nguồn nhân lực không được cải thiện, năng lực với tiếp cận tình trạng người lao động bị bỏ rơi, doanh nghiệp không thể tồn tại được phát triển, năng lực cạnh tranh của các nhà nước sẽ giảm, quá trình hội nhập quốc tế sẽ gặp thất bại trước mắt.

Việt Nam đang trong giai đoạn nhiều thách thức, tài sản và nền kinh tế chuyển sang mô hình tăng cường bền vững, đưa vào các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao. Việc chuyển biến này thông qua lựa chọn trước tiên ở những ngành kinh tế công nghiệp mũi nhọn, có giá trị gia tăng cao. Vì vậy, quá trình trí thức hoá người lao động thông qua đầu tư trước hết trong hành ngũ giai cấp công nhân, lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội hiện đại. Nếu không có nguồn nhân lực này sẽ là một trở ngại quan trọng để tiến sâu vào nền kinh tế tri thức, tiến hành công nghiệp hoá hiện đại hoá hàng loạt, khẳng định vị trí của Việt Nam trên thị trường thế giới và trong chuỗi giá trị toàn cầu.

